TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy*;* Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHK: Xóm 2, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Đội 2, thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. (*Có mặt)*

2. Bị đơn**:** Anh Vũ Hữu Đ, **s**inh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương. *(Vắng mặt)*

3. Người làm chứng:

- Ông Vũ Hữu Hồi và bà Nguyễn Thị G.

Đều trú tại: Xóm 2, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bà Phùng Thị S, sinh năm 1953.

Trú tại: Thôn T, thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Ông Vũ Hữu Q, bà Nguyễn Thị G vắng mặt; bà Phùng Thị S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Chị và anh Vũ Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/5/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn,

vợ chồng chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình mà chỉ mải chơi bời với các bạn bè xấu ngoài xã hội. Bản thân chị cùng gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, song anh Đ không nghe, không cải sửa mà ngày càng chơi bời nhiều hơn dẫn đến nợ nần nhiều. Để có tiền tiêu sài, anh Đ lấy tài sản của gia đình mang đi cầm cắm; cuối năm 2016 chiếc xe máy của chị vẫn sử dụng để đi làm, anh Đ cũng bán đi để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do không thể tiếp tục chịu đựng nên đầu năm 2017, chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ của chị ở thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống; vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ

- Về nuôi con chung: Chị Th xác định, vợ chồng có 01 con chung cháu Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 16/8/2015. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, cháu Ngọc A do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giữa năm 2017, bố mẹ anh Đ là ông Q, bà G đến đón cháu Ngọc A về chơi; sau đó ông Q, bà G giữ không cho chị được đón cháu Ngọc A. Hiện nay cháu còn nhỏ, rất cần mẹ chăm sóc nên khi ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ; triệu tập anh Đ đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên tất cả các lần Tòa án triệu tập cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- Xác minh tại Công an, Tư pháp và Hội phụ nữ xã M, Kinh Môn: Anh Vũ Hữu Đ vẫn cư trú, sinh sống tại địa phương. Vợ chồng anh Đ, chị Th xảy ra mâu thuẫn và chị Th đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống. Cháu Vũ Thị Ngọc A hiện đang do anh Đ và bố mẹ đẻ anh Đ nuôi dưỡng, chị Th nhiều lần về thăm con và muốn đón con để nuôi dưỡng nhưng anh Đ và gia đình ngăn cản.

- Ông Vũ Hữu Q, bà Nguyễn Thị G (bố mẹ đẻ anh Đ) xác định: Gia đình đã thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Đầu năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn thì vợ chồng anh Đ, chị Th sống ly thân mỗi người một nơi. Sau đó ông, bà đã nhiều lần hòa giải, song vợ chồng anh Đ, chị Th vẫn không về đoàn tụ được với nhau. Khi chị Th xin ly hôn, anh Đ và gia đình ông có biết và đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên công việc bận nên con trai ông không có mặt vào thời gian Tòa án đã triệu tập. Ông bà chỉ biết anh Đ làm việc ở thành phố Hải Dương, còn không biết làm gì.

Anh Đ, chị Th có một con chung cháu Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 16/8/2015. Hiện cháu Ngọc A đang được vợ chồng ông nuôi dưỡng, anh Đ trước và sau Tết Nguyên đán thì sáng đi, tối về; nhưng gần 2 tháng trở lại thì thỉnh thoảng mới về nhà. Từ khi cháu Ngọc A ở với vợ chồng ông, chị Th cũng đã nhiều lần đến thăm và muốn được đón cháu Ngọc A về, tuy nhiên do ông bà muốn vợ chồng anh Đ, chị Th về đoàn tụ với nhau nên ông bà giữ không cho chị Th đón cháu Ngọc A về.

- Bà Phùng Thị S (mẹ đẻ chị Th) khai: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Đ mải chơi bời, nợ nần nhiều, cầm cắm cả tài sản để lấy tiền tiêu sài; không quan tâm đến gia đình. Cuối năm 2016 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị Th không chịu đựng được nên đã bế con về gia đình bà tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống. Khi vợ chồng ly thân thì cháu Vũ Thị Ngọc A do chị Th nuôi dưỡng, giữa năm 2017 thì bố mẹ anh Đ đến đón cháu về chơi sau đó giữ cháu lại không cho chị Th đón cháu. Nếu chị Th được quyền nuôi con thì gia đình bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và giúp đỡ chị Th trong việc chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đ và giải quyết về nuôi con chung.

- Bị đơn là anh Vũ Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành và không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Vũ Hữu Đ. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 16/8/2015 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Hữu Đ hiện đang cư trú, sinh sống tại xã M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 07/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tống đạt hợp lệ cho anh Đ, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Hữu Đ đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/5/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Hữu Đ là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chị Th, anh Đ phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi, tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Đ để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu chứng cứ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn thể hiện việc không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Thực tế thì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017, không còn quan hệ tình cảm; hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, anh Đ cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng và đảm bảo đúng quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 16/8/2015. Khi vợ chồng ly thân thì cháu được chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc; nhưng sau đó gia đình anh Đ đón cháu về nuôi dưỡng. Chị Th có nguyện vọng được

trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Xét yêu cầu này thì thấy: Tính đến thời điểm xét xử thì cháu Vũ Thị Ngọc A chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật thì chỉ có cha mẹ mới được pháp luật giao quyền nuôi con và con dưới 36 tháng tuổi sẽ được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng; chị Th có công việc và thu nhập ổn định và được gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện trong về chỗ ở và giúp đỡ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, trong vụ án này bị đơn là anh Đ không đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cũng như nguyện vọng về vấn đề nuôi dưỡng con chung; không cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ để chứng minh những điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ thì xác định hiện nay cháu đang được bố mẹ anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Đ hiện đi làm tại thành phố Hải Dương không rõ công việc, thu nhập và thời gian gần đây thỉnh thoảng mới về nên không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc cũng như quyền lợi của con chung. Cháu Ngọc A chưa đủ 36 tháng tuổi, còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để đảm bảo trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cần giao con chung là cháu Vũ Thị Ngọc A cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Vũ Hữu Đ.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 16/8/2015 kể từ tháng 5/2018

cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Vũ Hữu Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001451 ngày 22/01/2018. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:
+ VKSND huyện Kinh Môn.
+ Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
+ UBND xã M, Kinh Môn.
+ Các đương sự.
+ Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa